

KT3-03006BTP1/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

19/06/2021
Page 01/04

1. Tên mẫu
Name of sample : **ĐƯỜNG TINH LUYỆN MALAYSIA**
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Mẫu đựng trong bao bì ép kín, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in sealed package, without label.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 09/06/2021
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 09/06/2021 – 19/06/2021
6. Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH MTV ĐƯỜNG TTC BIÊN HÒA ĐỒNG NAI**
KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / See page 02-04/04

P. TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
DEPUTY HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Hữu Tín

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03006BTP1/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

19/06/2021
 Page 02/04

7. Kết quả thử nghiệm
Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo <i>Limit of Detection/ Range of measurement</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Cảm quan/ Sensory test - Trạng thái/ <i>State</i> - Màu sắc/ <i>Color</i> - Mùi vị/ <i>Odor & taste</i>	QTTN/KT3 234 : 2019	-	Tinh thể màu trắng, kích thước tương đối đồng đều, toi khô, không vón cục/ <i>White crystals,</i> <i>equal size, dry, no</i> <i>curdle</i> Tinh thể màu trắng óng ánh, khi pha vào nước cất cho dung dịch trong suốt <i>White crystals, clear</i> <i>solution when adder</i> <i>water</i> Tinh thể đường hoặc dung dịch đường trong nước có vị ngọt, không có mùi vị lạ/ <i>Crystal sugar or</i> <i>solution of sugar in</i> <i>water have sweet</i> <i>taste, free from</i> <i>foreign odor &</i> <i>taste</i>
7.2. Hàm lượng sacaroza tính theo khối lượng, % <i>Sucrose content (m/m)</i>	GS 1/2/3/9- 1 (2011) ICUMSA	-	99,9



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03006BTP1/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

19/06/2021
Page 03/04

7. Kết quả thử nghiệm Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo Limit of Detection/ Range of measurement	Kết quả thử nghiệm Test result
7.3. Hàm lượng đường khử tính theo khối lượng, % Reducing sugars content (m/m)	GS 2/9 - 6 (2011) ICUMSA	-	5,50 x 10 ⁻³
7.4. Hàm lượng tro dẫn điện tính theo khối lượng, % Conductivity ash content (m/m)	GS 2/3/9 - 17 (2011) ICUMSA	-	6,00 x 10 ⁻³
7.5. Độ ẩm tính theo khối lượng, % Moisture content (m/m)	GS 2/1/3/9 - 15 (2007) ICUMSA	-	1,30 x 10 ⁻²
7.6. Độ màu / Color, IU	TCVN 6333 : 2010	-	8,73
7.7. Năng lượng/ Calories • kcal/100 g	QTTN/ KT3 024 : 2018	-	400
7.8. Hàm lượng carbohydrate, g/100 g Carbohydrate content	U.S. FDA 21 CFR 101.9	-	100
7.9. Hàm lượng béo, g/100 g Fat content	QTTN/KT3 139 : 2016 (Ref: FAO FNP 14/8 (p.10)- 1986)	0,1	Không phát hiện Not detected
7.10. Hàm lượng protein, g/100 g Protein content	QTTN/KT3 140 : 2016 (Ref: FAO FNP 14/7 (p.221)- 1986) Kjeldahl method	0,1	Không phát hiện Not detected
7.11. Hàm lượng aflatoxin B1, µg/kg Aflatoxin B1 content	TCVN 7596 : 2007	0,75	Không phát hiện Not detected
7.12. Hàm lượng chì, mg/kg Lead content	QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	3,00 x 10 ⁻²	Không phát hiện Not detected

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-03006BTP1/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

19/06/2021
Page 04/04

7. Kết quả thử nghiệm Test results



Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo Limit of Detection/ Range of measurement	Kết quả thử nghiệm Test result
7.13. Hàm lượng thủy ngân, Mercury content	mg/kg QTTN/KT3 064 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (971.21))	1,50 x 10 ⁻²	Không phát hiện Not detected
7.14. Hàm lượng cadimi, Cadmium content	mg/kg QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	3,00 x 10 ⁻²	Không phát hiện Not detected
7.15. Hàm lượng asen tổng số, Total arsenic content	mg/kg TCVN 8427 : 2010	1,00 x 10 ⁻²	Không phát hiện Not detected
7.16. Hàm lượng đồng, Copper content	mg/kg AOAC 2016 (999.11)	0,12	Không phát hiện Not detected
7.17. Hàm lượng aflatoxin, Aflatoxin content	µg/kg TCVN 7596 : 2007		
• B1		0,75	Không phát hiện Not detected
• B2		0,75	Không phát hiện Not detected
• G1		0,75	Không phát hiện Not detected
• G2		0,75	Không phát hiện Not detected
7.18. Tổng số vi khuẩn hiếu khí, Total mesophillic bacterial count	CFU/10 g GS 2/3 - 41 (2011) ICUMSA 2017	-	6,0 x 10 ⁰
7.19. Tổng số nấm men, Total yeasts	CFU/10 g GS 2/3 - 47 (2015) ICUMSA 2017	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) Less than
7.20. Tổng số nấm mốc, Total moulds	CFU/10 g GS 2/3 - 47 (2015) ICUMSA 2017	-	Nhỏ hơn 1 ^(*) Less than

Ghi chú/ Notes: Hàm lượng protein/ Protein = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ Nitrogen

(*) : Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/10 g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/10 g when the dish contains no colony.



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.